

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị
Hoa và anh Nguyễn Văn Quy

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững;

Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Búp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà C, tổ A, ấp L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang; chị H có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; anh Q vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh Q do mai mối rồi quen biết nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14/2014 ngày 17/02/2014. Thời gian

đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn hay có lời qua tiếng lại, làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Quá trình chung sống chị H và anh Q có con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 26/01/2015, hiện đang sống cùng anh Q. Chị H đồng ý giao con chung Nguyễn Văn K cho anh Q nuôi dưỡng và chị H không cấp dưỡng (đóng góp) nuôi con cùng anh Q.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 28/4/2023, bị đơn Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh Q và chị H quen biết nhau, rồi thương nhau, được gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã T, tỉnh An Giang vào ngày 17/02/2023. Thời gian sống chung, anh và chị H có cãi vã nên chị H nộp đơn yêu cầu ly hôn. Anh Q không biết lý do anh làm gì sai, trong khi đó chị H phản bội quen người khác nên mới có những lời nói không hay dẫn đến chị H bỏ đi và đã ly thân nhau khoảng 03 năm, hạnh phúc gia đình không còn nữa và anh sống buông thả, ăn nhậu cho quên đi nỗi buồn. Nên việc chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý vì hiện nay anh vẫn còn thương chị H.

Về nuôi con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 26/01/2015, hiện đang sống cùng anh. Anh Q yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị H xin ly hôn với anh Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Q có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Q là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Q vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Q là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật này được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Do vậy, việc chị H và anh Q đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 của Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang đã tuân thủ đúng điều kiện, trình tự, thủ tục về đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân nên được công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị H và anh Q đã không làm được điều đó. Chị H cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Q thường xuyên mâu thuẫn, có lời qua tiếng lại, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Q. Còn anh Q cho rằng không biết lý do anh làm gì mà chị H yêu cầu ly hôn với anh, chị H thì phản bội anh quen người khác nên cãi và nhau, chị H bỏ đi và ly thân hơn 03 năm nay, hạnh phúc hôn nhân không còn, anh sống buông thả ăn nhậu nhưng hiện nay anh vẫn còn thương chị H không đồng ý ly hôn với chị H.

Tuy đó chỉ là lời trình bày của hai bên đương sự, không có chứng cứ chứng minh, nhưng qua đó thấy rõ vợ chồng sống chung không hạnh phúc, chị H và anh Q không có sự tin tưởng, chia sẻ với nhau trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến việc vợ chồng ly thân nhau với khoảng thời gian dài, nhưng vẫn không có phương án, giải pháp nào hàn gắn được tình cảm để về chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặt khác, khi Tòa án triệu tập họp lệ anh Q đến để tham gia phiên tòa nhưng anh Q vẫn vắng mặt không rõ lý do. Từ đó, cho thấy anh Q bỏ mặt, không quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Từ những phân tích nêu trên, cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh Q đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ đó, đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị H để giải quyết chị H1 và anh Q ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Xét thấy, cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 26/01/2015 đúng là con chung của chị H và anh Q, được anh chị thừa nhận và có giấy khai sinh của cháu K để chứng minh. Thời gian chị H và anh Q xa nhau, cháu K do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Tại phiên tòa hôm nay, cháu K có nguyện vọng sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Chị H cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, chị H không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị H. Vì vậy, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn K của chị H là có căn cứ, phù hợp Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Tòa án chấp nhận, cụ thể giao con chung là cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định và với nguyện vọng của cháu K thể hiện tại phiên tòa ngày 12/6/2023.

Do chị H không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu K cùng chị H, nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung của chị H và anh Q.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 26/01/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu K đang do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Q không phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu K cùng chị H.

2.2. Sau khi ly hôn, chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Văn K. Anh Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017208 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị H đã nộp đủ án phí.

6. Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh Q.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; (GCNKH số 14 ngày 17/02/2014);
- Lưu: HSVA, VP, (Búp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Kiến